

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2021

“V/v: Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- 1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn H.
- 2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Bà Vũ Thị T;

2.2. Ông Lê Quang T.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

III. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:
Ông Nguyễn Hữu T.A - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 39/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K.A, sinh năm 1999, *vắng mặt*.

Nguyên quán: Xã T C, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Tổ 8, phường Hòa Thọ Đ, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng; Hiện ở: Số 23, đường Trừ Văn T, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn L, sinh năm 1991, *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn M Đ, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng: Ông Cao Văn T, sinh năm 1967, *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn M Đ, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-4-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị K.A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn L, sinh năm 1991 người ở Thôn M Đ, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/3/2018. Sau khi kết hôn hai bên chuyển về chung sống nhưng chỉ được thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn tới hai bên sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Mặc dù trong suốt khoảng thời gian đó đến nay đã được gia đình, người thân động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được tình cảm. Thời gian gần đây hai bên căng thẳng trầm trọng, mặc dù đã dùng mọi biện pháp nhưng vẫn không thể hàn gắn nên sau khi nói chuyện hai bên xác định không thể níu kéo thêm nên chị quyết định làm đơn xin giải quyết dứt điểm ly hôn với anh L và chị cũng đề nghị Tòa án sớm giải quyết dứt điểm cho anh, chị. Ngoài ra do chị xác định vì điều kiện hiện dịch bệnh, đi lại khó khăn, chị đang ở vùng tâm dịch không thể về Tòa án để làm việc được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Quan điểm của anh L cho biết: Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn cũng thống nhất như chị A đã trình bày. Sau khi kết hôn anh, chị chuyển về chung sống cùng nhau nhưng chỉ được vài tháng ngắn ngủi thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn tới hai bên sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Trong suốt khoảng thời gian từ khi ly thân đến nay hai bên đã được gia đình, người thân động viên nhiều nhưng vẫn không thể cải thiện được quan hệ tình cảm. Thời gian gần đây hai bên căng thẳng trầm trọng, mặc dù đã dùng mọi biện pháp và sự tác động của các bên nhưng vẫn không thể hàn gắn, níu kéo nên hai bên đã ngồi lại nói chuyện và đều xác định không thể hàn gắn nên chị A quyết định làm đơn xin giải quyết dứt điểm với anh gửi tới các cơ quan có thẩm quyền. Quan điểm của anh cũng nhất trí ly hôn với chị A và đề nghị Tòa án sớm giải quyết dứt điểm để hai bên ổn định cuộc sống. Ngoài ra anh L cũng xác định quan điểm của anh không thay đổi, hiện nay đang trong thời gian dịch bệnh, cần hạn chế tiếp xúc nên anh có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị A và anh L đều khẳng định thời gian hai bên chung sống đến nay chưa có con chung. Ngoài ra hai bên cũng không làm thủ tục nhận con nuôi hay có con riêng nào khác và hiện chị A cũng không mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị Avà anh Lđều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Tứ Dân, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị Avà anh L.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Avà anh Lkhông có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Phạm Thị K.A được ly hôn với anh Cao Văn L.

- Về con chung: Không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị Avà anh Lđối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Aphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn M Đ, xã T D, huyện

Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Phạm Thị K.A và anh Cao Văn L kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/3/2018 (theo số: 20/2018). Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không có sự hòa hợp về quan điểm sống. Khi hai bên mâu thuẫn người thân cũng đã động viên nhiều nhưng không cải thiện được, chị A và anh L đã sống ly thân nhau trong thời gian dài từ năm 2018 cho đến nay. Quan điểm của chị A và anh L đều xác định mâu thuẫn đến nay đã căng thẳng và không thể hàn gắn, níu kéo nên đều nhất trí xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử cho chị Phạm Thị K.A được ly hôn với anh Cao Văn L.

[3.2] Về con chung: Chị A và anh L đều khẳng định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị A và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho cho chị Phạm Thị K.A được ly hôn với anh Cao Văn L.

3. Về nuôi con chung: Không có con chung, không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Aphải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Anh đã nộp theo Biên lai thu số 0002606 ngày 12/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn (đều vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thẩm phán

Phạm Văn H